

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-ST
Ngày 01 – 02 - 2018
“Về t/c HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B -TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phong
2. Ông Nguyễn Hữu Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLST–DS ngày 04/01/2018 về “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-ST ngày 22/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1970, địa chỉ: xã L, huyện G, tỉnh V. (có mặt)

Bị đơn: Ông Lâm Văn D, sinh năm 1960, địa chỉ: thị trấn T, huyện B, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kiều N trình bày: Vào ngày 26/7/2013 (âm lịch) bà N có cho ông D vay 05 chỉ vàng 24K, ông D nói miệng khi nào bà N cần thì ông D sẽ trả lại. Việc vay vàng có lập giấy tay đề ngày 26/7/2013, ông D là người viết và ký tên trong giấy mượn, vàng giao tại nhà của bà N, hai bên thỏa thuận lãi là 1.700.000 đồng/tháng. Ông D trả được 05 tháng tiền lãi từ ngày vay 26/7/2013 đến tháng 12/2013 là 8.500.000 đồng. Đến ngày 07/12/2013, bà N cho ông D vay thêm 05 chỉ vàng 24K, ông D viết giấy vay vàng vào cùng tờ giấy vay vàng ngày 26/7/2013. Tháng 01/2014 ông D trả cho bà N 3.400.000 đồng tiền lãi rồi ngưng không trả lãi cho đến nay, ông D trình bày tiền lãi ông D đã trả cho bà N hơn 15.000.000 đồng là không đúng. Tiền lãi ông D còn nợ từ tháng 1/2014 đến tháng 7/2015 là 48.000.000 đồng, ngày 8 tây tháng 7 năm

2015 ông D có ghi giấy nợ hứa bán đất trả tiền và vàng, nhiều lần bà N yêu cầu nhưng ông D không trả. Nay bà N yêu cầu ông D trả 01 lượng vàng 9999 và 48.000.000 đồng tiền lãi, bà yêu cầu ông D trả một lần.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lâm Văn D trình bày: Ông D có vay vàng của bà N như lời bà N trình bày, có lập giấy vay và ông D ký tên. Bà N có đến nhà nhiều lần yêu cầu ông trả vàng nhưng do không có vàng nên ông chưa trả cho bà N. Về lãi, ông D trả lãi cho bà N hàng tháng từ ngày vay cho đến khoảng tháng 4/2016 với số tiền hơn 15.000.000 đồng thì ngưng trả lãi đến nay, ông D không nhớ số tiền lãi cụ thể bà đã trả cho bà N vì việc trả lãi không lập giấy tờ. Ông D đồng ý trả bà N 01 lượng vàng 24K, không đồng ý trả 48.000.000 đồng tiền lãi, ông D đề nghị bà N cho trả dần mỗi tháng 600.000 đồng. Đối với số tiền lãi đã trả cho bà N thì ông D không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kiều N với ông Lâm Văn D là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm giao kết và thực hiện giao dịch dân sự Bộ luật dân sự năm 2005 quy định hợp đồng vay tài sản có khác so với Bộ luật dân sự 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N thấy rằng ông D thừa nhận vào ngày 26/7/2013 ông có vay của bà N 05 chỉ vàng 24K, đến ngày 07/12/2013 ông D vay thêm của bà N 05 chỉ vàng 24K, tổng cộng hai lần ông D vay của bà N là 01 lượng vàng 24K. Hợp đồng vay không xác định thời hạn và có lãi. Đến năm 2015 bà N đòi nhiều lần nhưng ông D không có vàng để trả, ngày 08/7/2015 ông D có làm giấy xác nhận nợ và hứa bán đất sẽ trả cho bà N 01 lượng vàng 24K và 48.000.000 đồng tiền lãi nhưng đến nay ông chưa trả nên phát sinh tranh chấp. Như vậy yêu cầu khởi kiện của bà N là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên chấp nhận. Tại phiên tòa bà N và ông D đều thống nhất ông D không phải trả vàng mà được trả bằng tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm 01 lượng vàng là 36.723.000 đồng nên ghi nhận để làm cơ sở buộc ông D trả cho nợ bà N.

[3] Về tiền lãi, bà N yêu cầu ông D trả cho bà 48.000.000 đồng tiền lãi còn thiếu nhưng ông D không đồng ý. Xét thấy, tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng....Nhưng từ thời điểm ban hành Bộ luật dân sự năm 2005 cho đến nay, Ngân hàng nhà nước Việt Nam không có bất kỳ văn bản nào quy định về lãi suất cho vay vàng hay lãi suất cơ bản đối với vàng. Do đó việc bà N yêu cầu ông

D trả cho bà 48.000.000 đồng tiền lãi là không có căn cứ để chấp nhận. Đối với số tiền lãi mà ông D đã trả cho bà N, ông D cho rằng ông đã trả cho bà N hơn 15.000.000 đồng tiền lãi nhưng bà N không thừa nhận và ông D không có tài liệu gì chứng minh, do ông D cũng không yêu cầu bà N trả lại tiền lãi mà ông đã trả nên Tòa án không xem xét.

[4] Về phương thức trả nợ: Ông D xin trả dần mỗi tháng 600.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng bà N không đồng ý vì trước đây ông D đã hứa nhiều lần nhưng không thực hiện. Do hai bên không thỏa thuận được phương thức trả nợ và pháp luật không có quy định khác nên không chấp nhận cho ông D trả dần.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông D phải chịu án phí phần yêu cầu của bà N được chấp nhận và bà N phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của bà không được chấp nhận. Cụ thể tiền án phí ông D phải chịu là 1.836.000 đồng, bà N phải chịu là 2.400.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều N đối với ông Lâm Văn D.

Buộc ông Lâm Văn D trả bà Nguyễn Thị Kiều N 01 lượng vàng 24K, ông D được trả bằng tiền là 36.723.000 đồng (Ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kiều N đòi ông Lâm Văn D trả 48.000.000 đồng tiền lãi.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông Lâm Văn D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Văn D phải chịu 1.836.000 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi ba sáu ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị Kiều N phải chịu 2.400.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.110.000 đồng theo biên lai thu số 0003075 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, bà Nguyễn Thị Kiều N còn phải nộp thêm là 290.000 đồng (Hai trăm chín mươi ngàn đồng).

5. Án này xử sơ thẩm, ông D và bà N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 01/02/2018.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Quốc Tiến